

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-7-2022

(Về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Thế – Bà Đồng Thị Lý

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền - Chức danh: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 249/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 164/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐ_HPT ngày 15/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: xóm Trảng Thịnh, xã Thịnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Hồ Sỹ B, sinh năm 1969.

Địa chỉ: xóm Trảng Thịnh, xã Thịnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của Bà Nguyễn Thị M, trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai và tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M cưới nhau vào tháng 10/1989. Trước khi cưới ông bà có quá trình yêu đương, tìm hiểu, việc tiến tới hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, nhưng bà M, ông B không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ba Mai, ông B sống hạnh phúc với nhau như vợ chồng đến cuối năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình hai bên không phù hợp nhau, ông bà không tìm được tiếng nói, lối đi chung trong hôn nhân, đã có những hành động, lời nói không đúng mực, xử sự thiếu tôn trọng nhau gây khó chịu cho nhau. Mâu thuẫn xảy ra thường xuyên liên tục làm mất tình cảm giữa hai người dẫn đến cuộc sống chung đổ vỡ. Mâu thuẫn xảy ra hai bên tự hòa

giải, được gia đình hai bên vun vén nhưng tình cảm hai bên không được cải thiện, ngược lại mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn đã làm cho không khí trong cuộc sống chung của hai người lúc nào cũng nặng nề gây khó chịu cho bà M, nên bà M đã chủ động sống ly thân, cắt đứt các quan hệ đối với ông B từ cuối năm 2019 cho đến nay. Quá trình sống ly thân bà M, ông B không liên lạc, níu kéo hôn nhân. Bà M xác định hôn nhân của họ đã đổ vỡ, không thể hàn gắn. Do không làm thủ tục đăng ký kết hôn, bà M đề nghị Tòa xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị M và ông Hồ Sỹ B.

2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Hồ Sỹ B có với nhau con 03 con chung, anh Hồ Sỹ H; Giới tính; nam - Sinh ngày 09/11/1990, chị Hồ Thị V, sinh ngày 09/11/1993 và anh Hồ Sỹ N, sinh ngày 16/3/1996. Con chung hiện nay đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, nên bà M không yêu cầu tòa giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Trong thời gian sinh sống chung bà M, ông B đã cùng nhau tạo dựng được thửa đất số 205, tờ bản đồ 19 xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích 1080m²; Địa chỉ thửa đất: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành LC 313819 ngày 14/4/2002 mang tên ông Hồ Sỹ B và bà Nguyễn Thị M. Nay là thửa đất số 57; Tờ bản đồ số 43 xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An với diện tích 1037,6m²; Trong đó có 300m² đất ở x 400.000 đ/m² = 120.000.000 đ; đất trồng cây lâu năm 747,6m² x 200.000 đ/m² = 147.520.000 đồng. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ trên đối với thửa đất nêu trên thì không có tài sản gì xây dựng trên đất. Bà Nguyễn Thị M đề nghị chia đôi đất mỗi người được quyền sử dụng một nửa.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án đúng qui định tại khoản 3 điều 26; điểm b khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán qui định tại 48, điều 203 của BLTTDS, xác định tư cách tham gia tố tụng theo qui định tại điều 68 của BLTTDS. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo qui định tại chương VII của BLTTDS, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ theo qui định điều 95; điều 98 của BLTTDS. Hòa giải theo qui định tại điều 205 của BLTTDS. Đã chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo qui định tại điều 196 và điều 220 của BLTTDS. Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại điều 51 của BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm qui định tại điều 243; 250; 251; 258; 260 và 262 của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành theo đúng qui định tại điều 70; 72; 73, 85; 86 và điều 234 của BLTTDS. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại điều 71 của BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

-Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Trước khi về sống chung với nhau bà Nguyễn Thị M, ông Hồ Sỹ B có quá trình tìm hiểu tổ chức cưới hỏi vào tháng 10/1989 được sự đồng ý của hai gia đình, chứng kiến của làng xóm bạn bè. Bà M, ông B có thời gian sống chung với nhau như vợ chồng với thời gian khá lâu, ông bà đã sinh được 3 con chung hiện nay con chung đã đủ tuổi trưởng thành. Nhưng bà M, ông B không làm thủ tục đăng ký kết hôn nên pháp luật không công nhận hôn nhân giữa bà M, ông B là hôn nhân hợp pháp. Bà M yêu cầu giải quyết ly hôn là không đúng. Do hôn nhân giữa bà M, ông B không hợp pháp, nên cần xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị M và ông Hồ Sỹ B.

[2] Về quan hệ con chung: Con chung đã đủ tuổi trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, nên miễn xét.

[3] Về quan hệ tài sản: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như Đơn đăng ký quyền sử dụng đất, xác nhận thông tin về thửa đất và hồ sơ kỹ thuật đất được đo đạc năm 2014; tài liệu chứng cứ về thửa đất được y sao tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Yên Thành có cơ sở khẳng định: Thửa đất 205, tờ bản đồ 19 xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích 1080m²; Địa chỉ thửa đất: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành LC 313819 ngày 14/4/2002 mang tên ông Hồ Sỹ B, nay là thửa đất số 57, Tờ bản đồ số 43 xã T, huyện Y, diện tích đất 1037,6m² là tài sản chung của bà Nguyễn Thị M và ông Hồ Sỹ B tạo dựng trong thời kỳ bà M, ông B sống chung. Công sức tạo dựng nên thửa đất này hai bên có công sức như nhau, nên cần chia đôi thửa đất số 57 thành 2 thửa (thửa đất 57A, và thửa 57B) mỗi người được sử dụng một phần.

Chia cho bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng thửa đất 57B có diện tích 518,8 m² trong đó đất ở là 150 m² x 400.000đ/m² = 60.000.000 đồng; Đất trồng cây lâu năm 368,8m² x 200.000 đ/m² = 73.660.000 đồng.

Chia cho ông Hồ Sỹ B được quyền sử dụng thửa đất 57A có diện tích 518,8 m² trong đó có 150 m² x 400.000đ/m² = 60.000.000 đồng đất ở và 368,8m² x 200.000 đ/m² = 73.660.000 đồng đất trồng cây lâu năm.

[4] Về án phí: Buộc bà M, ông B phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 9; Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và Gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị M và ông Hồ Sỹ B.

2. Về quan hệ tài sản: Chia thửa đất số 57, Tờ bản đồ số 43 xã T, huyện Y, diện tích đất 1037,6m² thành 2 thửa(thửa 57A và 57B) có diện tích bằng nhau. Cụ thể như sau:

- Giao cho bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng thửa đất 57B có diện tích 518,8 m² trong đó có 150 m² đất ở trị giá 60.000.000 đồng và 368,8m² đất trồng cây lâu năm trị giá 73.660.000 đồng. Có giới cận như sau:

+ Cận phía Đông Bắc giáp đất hộ ông Nguyễn Công T(Thửa đất số 51) có chiều dài 47,85m

+ Cận phía Tây Bắc giáp đất của ông Phan Văn T(Thửa đất số 40) có chiều dài 11,74m

+ Cận phía Tây Nam giáp phần đất của ông Hồ Sỹ B có chiều dài 48,90m

+ Cận phía Đông Nam giáp đường bê-tông xóm có chiều dài 10,81m

- Giao cho ông Hồ Sỹ B được quyền sử dụng thửa đất 57A có diện tích 518,8 m² trong đó có 150 m² đất ở trị giá 60.000.000 đồng và 368,8m² đất trồng cây lâu năm trị giá 73.660.000 đồng. Có giới cận như sau:

+ Cận phía Đông Bắc giáp đất của Bà Nguyễn Thị M(Thửa đất 57B) có chiều dài 48,90m

+ Cận phía Tây Bắc giáp đất của ông Phan Văn T(Thửa đất số 40) có chiều dài 11,56m

+ Cận phía Tây Nam giáp phần đất của ông Phạm Văn H(Thửa đất số 56) có chiều dài 49,95m

+ Cận phía Đông Nam giáp đường bê-tông xóm có chiều dài 10,62m

Có sơ đồ kèm theo

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 6.683.000 đồng án phí dân sự về chia tài sản. Nhưng được tính trừ số tiền 2.145.000đ(Hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011325 ngày 19/5/2022 tại Chi cục Thị hành án Yên Thành. Bà Nguyễn Thị M còn phải nộp 4.838.000đ(Bốn triệu tám trăm ba mươi tám nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc: Ông Hồ Sỹ B phải nộp 6.683.000đ(Sáu triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự về chia tài sản.

4. Quyền kháng cáo. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận

- VKS H.Yên Thành
- Cácđương sự
- THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh
- Lưu hs, VP.
- UBND xã T.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc